

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HC-PT

Ngày: 30/7/2018

V/v “*Khiếu kiện quyết định thu
hồi giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyễn

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoàng Vũ
Ông Hoàng Ngọc Linh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hằng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:

Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLPT-HC ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HC-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐXX-PT ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Dương Thị D, sinh năm 1947

Địa chỉ: Tổ 23, ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Do ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 259, Tổ 23, ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh An Giang, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2018).

Người bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện: Luật sư Bùi Trần Phú T2 - Văn phòng Luật sư Phú T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị D.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn D, huyện P, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 30/GUQ-UBND ngày 23/02/2018)

Người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện: Ông Phạm Quốc T3 – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số nhà 020, tổ 04, ấp H, thị trấn D, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ 07, ấp P, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền lợi của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Luật sư Bùi Trần Phú T2 Văn phòng Luật sư Phú T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Trung T1

3. Ông Nguyễn Trung T5, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ 23, ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

4. Bà Nguyễn Thị Hồng L2, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

5. Bà Nguyễn Thị Hồng P1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ 01, ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

6. Bà Nguyễn Thị Sơn T6, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ 01, ấp T 1, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

7. Ông Nguyễn Trần Thế H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

8. Ông Nguyễn Dương Thế P2, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ 23, ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

9. Bà Nguyễn Trần Kim N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ 01, ấp T 1, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Trần Thế H, Nguyễn Thị Sơn T6, Nguyễn Thị Hồng L2, Nguyễn Thị Hồng P1 là ông Nguyễn Dương Thế P2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 23, ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2015).

Tại phiên tòa phúc thẩm, có mặt các ông, bà: Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Trần Kim N; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

*** Đơn khởi kiện lời khai của người khởi kiện là bà Dương Thị D trình bày:**

Năm 1985, bà và chồng bà là ông Nguyễn Bá T7 (chết ngày 27/8/2011), được mẹ chồng cho đất thổ cư và ao cá tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh An Giang. Ông, bà đã sử dụng đất ổn định liên tục đến năm 2007, kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: H01332gF, ngày 16/7/2007, diện tích 2990,9m².

Năm 2012, ông Nguyễn Thanh T4 (em chồng) có đơn khiếu nại việc cấp GCNQSDĐ nêu trên đến UBND.

Ngày 03/6/2015, bà nhận được Quyết định số: 981/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của UBND huyện P (Quyết định số 981/QĐ-UBND) về việc thu hồi GCNQSDĐ. Nội dung Quyết định số 981/QĐ-UBND nêu lý do thu hồi GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Bá T7 và bà Dương Thị D là không đúng chủ thể, vì chữ ký trong Tờ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất không phải do ông T7 ký và viết ra.

Nội dung thu hồi GCNQSDĐ là không đúng, bà D yêu cầu hủy Quyết định số: 981/QĐ-UBND.

*** Đại diện theo ủy quyền UBND huyện P:** Do ông Trần Văn Đ - Chủ tịch UBND huyện P đại diện theo ủy quyền (Đến ngày 23/02/2018, ông Nguyễn Thanh L - Phó Chủ tịch UBND huyện P, đại diện theo ủy quyền có văn bản ngày 27/01/2016), trình bày như sau:

Ngày 04/3/2007, ông Nguyễn Bá T7 và bà Dương Thị D có đơn xin cấp GCNQSDĐ (cấp lẻ), diện tích 2.990,9m², nguồn gốc đất sử dụng từ năm 1985.

Ngày 16/7/2007, ông T7, bà D được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số: H01332gF, tờ bản đồ số 33, thửa đất số 137-138, diện tích 2.990,9m² (ONT: 600m², CLN: 918.2m², NTS: 1.472,7m²), đất tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện P.

Năm 2012, ông Nguyễn Thanh T4 là em ruột ông Nguyễn Bá T7 đến UBND xã T xin kê khai đăng ký quyền sử dụng đất 02 cái hầm nhưng không được chấp nhận, vì phần đất 02 cái hầm nằm trong GCNQSDĐ đã cấp cho ông T7 và bà D. Từ đó, ông T4 khiếu nại việc cấp GCNQSDĐ đến UBND huyện P (Viết tắt UBND).

Ngày 12/5/2014, Chánh Thanh tra huyện P ký Quyết định số: 04/QĐ-TTr về việc thành lập đoàn thanh tra việc cấp GCNQSDĐ.

Ngày 17/12/2014, ông Nguyễn Thanh T4 yêu cầu giám định chữ ký tên và chữ viết trong hồ sơ kê khai cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Bá T7.

Ngày 06/2/2015, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang có Kết luận số: 01/KLGD-PC54 với nội dung: Chữ ký và chữ viết tên của ông Nguyễn Bá T7 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu TLCGD: A1-A3) so với chữ ký và chữ viết

của ông Nguyễn Bá T7 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu TLMSS: M1- M3) không phải do cùng một người ký và viết ra.

Về quy trình cấp GCNQSDĐ, các bước được thực hiện đúng theo Quyết định số: 777/2005/QĐ.UB ngày 30/3/2005 của UBND tỉnh An Giang. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định số: 01/KLGD-PC54 ngày 06/2/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, thì chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Bá T7 trong hồ sơ kê khai quyền sử dụng đất; Đơn xin cấp GCNQSDĐ, Biên bản đo đạc xác định mốc ranh giới, Tờ kê khai lệ phí trước bạ không phải là chữ ký và chữ viết của ông T7. Do đó, hồ sơ cấp GCNQSDĐ không đảm bảo về mặt chủ thể kê khai cần phải thu hồi.

Ngày 29/5/2015, UBND huyện P ban hành Quyết định số: 981/QĐ-UBND là đúng theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số: 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Do đó, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- **Ông Nguyễn Thanh T4 trình bày:** Ông được cha mẹ là ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H2 cho khoảng 2000m² đất (nói miệng không làm giấy tờ) tiếp giáp khu nghĩa địa nhân dân thuộc ấp Q, xã T. Từ năm 1977, ông mượn đào 02 cái hầm nuôi cá. Trên bờ ông trồng xoài, nhưng nay, các cây trồng đã chết hết không còn.

Đến năm 1982, ông về sống bên vợ tại chợ D nhưng vẫn thường tới lui và nuôi cá hầm phía ngoài, hầm phía trong cho em ruột thứ bảy là Nguyễn Thiện N nuôi. Đến khi rạch Bình An không còn thông nước (không nhớ rõ năm) ông bỏ hầm trống đến nay.

Việc ông T7, bà D kê khai quyền sử dụng bao đất bao trùm 02 cái hầm của ông khi chưa được sự đồng ý của ông. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ không đúng, không có các hộ tứ cận ký tên Biên bản đo đạc, không có biên bản xác minh và chữ ký của các anh, chị, em của ông.

Ông khiếu nại việc cấp GCNQSDĐ và được UBND huyện P ban hành Quyết định số: 981/QĐ-UBND. Ông đồng ý với Quyết định số: 981/QĐ-UBND.

- **Ông Nguyễn Trung T1, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Trần Thế H, Nguyễn Thị Sơn T6, Nguyễn Thị Hồng L2, Nguyễn Thị Hồng P1, ông Nguyễn Dương Thế P2, Nguyễn Trần Kim N trình bày:**

Các ông, bà là con của ông T7, bà D thông nhất theo trình bà và yêu cầu của bà D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HC-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P (Viết tắt Bản án số: 02/2017/HC-ST) quyết định:

“Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị D. Hủy Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01332gF, tờ bản đồ số 33, thửa đất số 137-138, diện tích 2.990,9m² do ông Nguyễn Bá T7 và bà Dương Thị D đứng tên.”

Ngoài ra, Bản án còn nêu phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/10/2017 và 30/01/2018, ông Nguyễn Thanh T4 kháng cáo, yêu cầu: Hủy Bản án số: 02/2017/HC-ST, vì:

+ Tòa án giải quyết là không đúng thẩm quyền, theo quy định tại Điều 87, Nghị 43/NĐ-CP thì thẩm quyền giải quyết trường hợp này là thuộc UBND tỉnh An Giang

+ Tòa án nhân dân huyện P giám định chữ ký của ông T7 theo yêu cầu của bà D, nhưng không thông báo cho ông biết, sử dụng các tài liệu do phía bà D cung cấp là tài liệu giả mạo.

+ Hồ sơ cấp GCNQSDĐ, UBND huyện Chuâ Phú không xác minh anh, em của ông. Ông khiếu nại về thủ tục cấp GCNQSDĐ, nhưng sau đó, cơ quan Thanh tra huyện yêu cầu ông yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông T7 trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Nguyễn Thanh T4 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo:

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông T4, giữ nguyên Bản án số: 02/2017/HC-ST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T4 trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Về việc vắng mặt của các đương sự:

[4]. UBND huyện P có Công văn số: 225/UBND-VP ngày 28/3/2018, xin vắng mặt khi xét xử; bà Dương Thị D, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Dương Thế P2 xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng (BL: 353, 351, 350, 348), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4, Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

[5]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện P là ông Phạm Quốc T4 có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T4 theo quy định tại khoản 4, Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

[6]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T4: Yêu cầu hủy Bản án số: 02/2017/HC-ST, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7]. Ông Nguyễn Bá T7, bà Dương Thị D là vợ chồng, được cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc của cha mẹ ông T7 là ông Nguyễn Văn S (chết 1982) và Trần Thị H2 để lại. Theo Kết luận Thanh tra (Bút lục 129 -131) và Kết quả xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P (Bút lục 71-73) thì ông S (chết 1982) và bà H2 có 7 người con gồm các ông, bà: Nguyễn Thiện T8, Nguyễn Thiện N, Nguyễn Thị Tuyết H3, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị Thu S2, Nguyễn Bá T7 và Nguyễn Thanh T4. 04 người con trai là ông T8, T7, T4, N được cha mẹ cho mỗi người 04 công đất, còn lại khoảng 05 công là của ông S, bà H2.

[8]. Trước năm 1978, ông T4 chưa cưới vợ, sống chung gia đình cha mẹ có đào hầm trong phần đất của cha mẹ, ông T4 không sử dụng mà do ông S trực tiếp sử dụng để nhử cá thiên nhiên vào nuôi, trên bờ hầm trồng cây ăn trái. Từ năm 1982, ông T4 trúng số độc đắc về chợ D sống riêng.

[9]. Năm 1986, bà H2 họp các anh em ông T7 lại, thống nhất giao căn nhà, 02 công đất ruộng và cái hầm lại cho ông T7, bà D quản lý sử dụng. Đổi lại, ông T7 dỡ nhà và giao xác nhà ở cầu Ba Kê cho bà H2 về cất lại ở thị trấn D, huyện P.

[10]. Kể từ năm 1986, gia đình ông T7, bà D quản lý sử dụng đất kể cả hầm. Đến năm 2007, ông T7 kê khai và được UBND cấp GCNQSDĐ (Bút lục 18), diện tích 2.990,9m², trong đó có thửa 137, diện tích 1472.7m² đất NTS.

[11]. Năm 2011, ông T7 chết, bà D và các con ông T7 quản lý sử dụng cho đến nay.

[12]. Ông Nguyễn Thanh T4 khiếu nại việc UBND huyện P cấp quyền sử dụng đất cho ông T7, bà D bao trùm lên diện tích đất hầm của ông.

[13]. Quá trình khiếu nại, ông T4 cũng xác nhận kể từ năm 1982, ông đã bỏ hầm không còn sử dụng nữa và không thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Cho đến năm 2012, ông mới xin cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất hầm thì mới biết ông T7, bà D đã được cấp quyền sử dụng đất.

[14]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T4 xác nhận: Ông được cha mẹ cho đất không có giấy tờ; không đóng thuế sử dụng đất hàng năm; từ năm 1982, ông đã không còn sử dụng hầm, các cây ông trồng trên đất không còn; trên bờ hầm có 02 nhà của bà L2, bà Thanh con của ông T7, bà D cất từ năm 2000, 2002, nhưng ông không

tranh chấp. Qua đó đã thể hiện, ông T4 không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; không có thời gian sử dụng đất liên tục; không sử dụng đất hầm từ năm 1982.

[15]. Theo Kết luận Thanh tra (Bút lục 129 -131) và Kết quả xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P xác định việc cấp GCNQSDĐ đúng trình tự thủ tục, ông T4 khiếu nại là không có cơ sở để chấp nhận vì ông không có thời gian sử dụng đất liên tục theo quy định của Luật đất đai, nhưng UBND lại ban hành Quyết định số: 981/QĐ-UBND. Lý do thu hồi: Cấp GCNQSDĐ không đúng chủ thể (chữ ký và chữ viết trong hồ sơ đăng ký QSDĐ không phải của ông T7).

[16]. Về lý do thu hồi GCNQSDĐ, Hội đồng xét xử xét thấy cho dù chữ ký và chữ viết trong hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất không phải do ông T7 viết và ký tên thì cũng không phải là điều kiện để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì do người khác ký và viết thay nhưng không gây thiệt hại quyền và lợi ích của gia đình ông T7, vợ và các con ông T7 không khiếu nại việc này, nên không có cơ sở để thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho ông T7, bà D.

[17]. Mặt khác, trước khi thu hồi GCNQSDĐ của ông T7 và bà D, UBND huyện P không ban hành thông báo về việc thu hồi GCNQSDĐ cho gia đình bà D biết để thực hiện quyền khiếu nại là vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 87 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP).

[18]. Ông T4 kháng cáo cho rằng ông T7 kê khai và được cấp GCNQSDĐ đã trù lên diện tích đất hầm của ông, nhưng các đơn ông khiếu nại tại UBND huyện P và tại phiên tòa hôm nay, chính ông trình bày đã bỏ đất từ năm 1982 là thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Điều 14 của Luật Đất đai 1987; Điều 26 của Luật Đất đai 1993. Gia đình ông T7 sử dụng từ năm 1985 đến nay là thuộc trường hợp sử dụng ổn định liên tục, nên được UBND huyện cấp GCNQSDĐ là phù hợp theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

[19]. Việc ông T4 cho rằng ông T7, bà D mượn đất hầm của ông sử dụng rồi chiếm dụng luôn, nếu có căn cứ thì ông có quyền khởi kiện dân sự để đòi lại đất vì đất đã được cấp GCNQSDĐ. Nếu các ông, bà cho rằng đây là đất di sản thừa kế của ông S và bà H2 thì có quyền khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế, nếu thời hiệu khởi kiện còn.

[20]. Trong Đơn kháng cáo, ông T4 cho rằng ông đang khiếu nại tại Thanh tra huyện về hành vi làm trái quy định của cán bộ Thanh tra, yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ khởi kiện của bà D về UBND huyện P hoặc UBND tỉnh An Giang để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D đã lựa chọn Tòa án giải quyết thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 33 Luật Tổ tụng hành chính. Do vụ án được thụ lý trước ngày 01/7/2016, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[21]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T4 trình việc khiếu nại của bà D phải do Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP; Tòa án nhân dân huyện P giải quyết là không đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử xét thấy tại điểm đ khoản 4 Điều 87 của Nghị định số:

43/2014/NĐ-CP quy định về quyền khiếu nại của đương sự đối với việc thu hồi GCNQSDĐ (không quy định quyền khởi kiện), nhưng tại khoản 2, Điều 3 và khoản 1, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định thì Quyết định số: 981/QĐ-UBND là quyết định hành chính bị kiện, các đương sự có quyền khởi kiện Quyết định này. Do Luật Tổ tụng hành chính có hiệu lực cao hơn Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP, nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Tổ tụng hành chính để giải quyết. Trong trường hợp này, Tòa án nhân dân huyện P giải quyết là đúng thẩm quyền.

[22]. Việc ông T4 yêu cầu giám định lại chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Bá T7 trong hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho ông T7 bà D. Như đã nhận định trên, chữ ký và chữ viết của ông T7 trong trường hợp này không phải là căn cứ để thu hồi GCNQSDĐ, nên không chấp nhận yêu cầu này của ông T4.

[23]. Ông T4 khiếu nại việc cấp quyền sử dụng đất cho ông T7 bà D không đủ chữ ký của những người tứ cận. Các cơ quan tham mưu cho UBND huyện P đã xác minh các hộ tứ cận, họ không khiếu nại việc này. Việc không có đủ những chữ ký tứ cận cũng không thiệt hại đến quyền lợi của ông T4, nên ông T4 không có quyền khiếu nại thay cho những người tứ cận.

[24]. Do đó, việc UBND huyện P ban hành Quyết định số: 981/QĐ-UBND là không đúng về nội dung và trình tự, nên Tòa án nhân dân huyện P chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D hủy Quyết định số: 981/QĐ-UBND là có căn cứ.

[25]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số: 981/QĐ-UBND, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị D là có cơ sở.

[26]. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T4.

[27]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông T4 là người cao tuổi, tại phiên tòa phúc thẩm, ông có yêu cầu miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T7 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[28]. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: + Khoản 1, Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

+ Điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T4.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HC-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa: Người khởi kiện bà Dương Thị D với người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P

- Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T4 được miễn án phí, được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0017314 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện P;
- THA huyện P;
- UBND tỉnh An Giang;
- Dương sự;
- VP; KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị nguyên